

TÌM HIỂU NIÊN LỊCH VÀ ĐỐI CHIẾU GIỮA ĐÔNG TÂY THẾ NÀO?

HÀN LÂM NGUYỄN PHÚ THỨ

Như chúng ta đã biết, một năm có bốn mùa : Xuân, Hạ, Thu và Đông luân chuyển, cho nên dù niên lịch Đông hay Tây hay nói khác đi là Âm Lịch hay Dương Lịch cũng không tránh khỏi sự luân chuyển của Trời Đất, để tính cho trọn một năm.

Đối với Âm Lịch, thì căn cứ vào mặt Trăng để tính (Mặt Trăng thì xuất hiện ban đêm), còn Dương Lịch thì trái lại, căn cứ vào mặt Trời để tính (Mặt Trời thì xuất hiện ban ngày). Cho nên cả hai đều có tính đặc biệt của nó, ví như Âm Lịch thì mỗi năm đều được thay đổi bởi một con vật cầm tinh cho năm đó, năm 2005 là năm Ất Dậu và năm kế tiếp 2006 là năm Bính Tuất (năm con Chó cầm tinh), trong khi đó năm Dương Lịch thì mỗi năm đều được thay đổi cộng thêm 1, tức năm 2005 sắp hết, bước sang năm mới 2006, thật đơn giản. Mặc dù chúng ta đã thấy năm Âm Lịch tính theo Mặt Trăng và năm Dương Lịch tính theo Mặt Trời, thế mà cũng có một số trường hợp gặp nhau và tương đồng nhau.

1.- Trường hợp gặp nhau : là chúng ta thấy Mặt Trăng và Mặt Trời cùng nằm trên một trục với Trái Đất. Nếu chúng ta thấy ban đêm, thì được gọi là Nguyệt Thực (Éclipse de Lune).

Trái lại, nếu chúng ta thấy ban ngày, thì được gọi là Nhật Thực (Éclipse de Soleil).

2.- Trường hợp tương đồng nhau : Mặc dù năm Âm Lịch tính theo vận hành của vầng mặt Trăng tròn, hồi quy đúng vào ngày Rằm của 12 tháng. Trong khi đó, năm Dương Lịch tính theo mặt Trời, được gọi Thái Dương Niên Lịch, thì chúng ta có được 365 ngày, 5 giờ 48 phút và 48 giây đồng hồ (nếu tính theo Thiên Thể Niên Lịch thì có 365 ngày, 6 giờ, 9 phút và 54 giây, dài hơn thời gian cách tính Thái Dương Niên Lịch)

Để ngắn gọn, chúng ta thường chấp nhận một năm có 365 ngày, 12 vầng trăng tròn, 52 tuần lễ dù có tính theo năm Âm Lịch hay Dương Lịch.

Ngoài ra, còn có một số trường hợp đặc biệt để phân chia các tháng cho tròn một năm.

Đối với năm Âm Lịch, thì hầu như tính theo mùa tiết, cho nên có trường hợp năm nhuận, tháng thiếu.

Đối với năm Dương Lịch, thông thường các tháng : Một, Ba, Năm, Bảy, Tám, Mười và Mười Hai là những tháng có 31 ngày. Còn các tháng : Tư, Sáu, Chín và Mười Một là những tháng có 30 ngày. Đặc biệt, tháng Hai chỉ có 28 ngày và cứ 4 năm, thì tháng Hai thêm một ngày tức 29 ngày (được gọi tháng Hai nhuận, giống như các tháng nhuận của năm Âm Lịch. Vậy, tháng Hai là tháng nhuận có 29 ngày, thay vì thông thường chỉ có 28 ngày mà thôi).

Để trang trải số thời gian của năm Dương Lịch hàng năm, cứ mỗi 365 ngày, lại có dư thừa ra 1/4 ngày tức 6 giờ, cho nên cứ 4 năm thì dư thừa một ngày tức 24 giờ, để cho tháng Hai nhuận là thế đó.

Ngoài ra, chúng ta đều biết, cứ mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ... tính theo năm Âm Lịch, đều có một con vật cầm tinh và được ghép bởi :

Thập Thiên Can là : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý.

Và kết hợp với Thập Nhị Địa Chi tức 12 con giáp như : Tý (Chuột), Sửu (Trâu), Dần (Cọp), Mẹo hay Mão (Mèo), Thìn (Rồng), Tỵ (Rắn), Ngọ (Ngựa), Mùi (Dê), Thân (Khỉ), Dậu (Gà), Tuất (Chó) và Hợi (Heo) để có được.

(Vì tính chất 12 con giáp này, cho nên trong dân gian thời xa xưa lại áp dụng để nói lên : Thân Gái 12 Bến Nước là thế đó! dù được bến trong hay bị bến đục cũng tùy duyên số do tạo hóa sắp bày, bởi vì : Thuyền theo lái, Gái theo Chồng).

Vậy, muốn đổi Giờ, Ngày, Tháng, Năm từ Dương Lịch sang Âm Lịch phải làm thế nào ?

Trước hết, chúng ta thử tìm hiểu về Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông sau đây :

1.- Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc như thế nào ?

Thuở xa xưa, những bậc tiền nhân thường dùng Thập Nhị Địa Chi (12 con Giáp) để gọi Năm, Tháng, Ngày, Giờ. Số 12 con giáp (tức 12 con, vật tượng trưng đó được sắp theo thứ tự đã dẫn thượng là : Tý (Chuột), Sửu (Trâu), Dần (Cọp), Mẹo hay Mão (Mèo), Thìn (Rồng), Tỵ (Rắn), Ngọ (Ngựa), Mùi (Dê), Thân (Khỉ), Dậu (Gà), Tuất (Chó) và Hợi (Heo).

Nhưng phương cách tính Tháng theo con Giáp thì : GIÊNG (Dần = Cọp), HAI (Mẹo hay Mão = Mèo), BA (Thìn = Rồng), TƯ (Tỵ = Rắn), NĂM (Ngọ = Ngựa), SÁU (Mùi = Dê), BẢY (Thân = Khỉ), TÁM (Dậu = Gà), CHÍN (Tuất = Chó), MƯỜI (Hợi = Heo), MƯỜI MỘT (Tý = Chuột) và CHẬP (Sửu = Trâu).

Nhưng tại sao, thời kỳ xa xưa đó lại đặt tháng Giêng là tháng đầu năm mà không gọi là tháng Một? Theo thiển nghĩ của người viết, bởi vì lúc bấy giờ, dưới thời còn quân chủ lập hiến, thường dành con số Một để chỉ nhà Vua, là thiên tử (con trời) để cai trị dân chúng tức nhứt nhơn (người ở đầu, người lớn hơn hết), từ đó trong thiên hạ phải kiêng cử, cho nên mới đặt tháng Giêng?

Ngoài ra, khi sanh con để cái cũng không thể gọi con

đầu lòng là con Một mà chỉ gọi là con Trưởng hay con Hai hoặc con Cả, vì sợ húy kỵ đến nhà vua, bằng chứng ở Việt Nam không có nhà nào gọi con đầu lòng là con Một là thế đó !.

Còn tháng Giêng tại sao là Tháng Dần? Căn cứ theo sách xưa, xin trích dẫn như sau :

Nhân sinh ư Dần (Loài người sanh ra ở hội Dần)

Và :

Nhất niên chi kế tại ư Dần,
(Kế hoạch trong 1 năm phải được sắp đặt ở mùa Xuân)
Nhất nhật chi kế tại ư Dần
(Kế hoạch trong 1 ngày phải sắp đặt ở giờ Dần).

Hơn nữa, trong 12 con Giáp, con Cọp là chúa sơn lâm, rất mạnh bạo, uy vũ và hơn hẳn 11 con Giáp kia, cho nên người xưa chọn tháng Giêng là tháng Dần do con Cọp cầm tinh là như thế ?

Ngoài ra, tại sao lại đặt tháng Chạp là tháng cuối năm mà không gọi là tháng Mười Hai?

Theo thiển nghĩ của người viết, nước chúng ta thời bấy giờ phần đông làm ruộng, cho nên tháng cuối cùng của một năm, ruộng đã làm xong, lúa đã đem vô bồ, vì thế phần đông dành thời gian này lo các lễ cúng, tiệc tùng để tạ ơn Thần Nông hoặc cúng Đình sau khi vụ mùa đã hoàn tất, hết nhà này đến nhà khác có khi kéo dài cho đến Tết Nguyên Đán.

(Khi nhắc đến Lễ Cúng Đình, phải nói đến Hát Bội để cúng Thần, thông thường ông Hương Cả trong làng là người đứng đầu chủ xướng lễ cúng Đình và là người có thực quyền hơn hết, cho nên mỗi lần có gánh hát về hát cúng Đình, ông Hương Cả chính là người Cầm Chầu để đánh những hồi trống chầu thưởng phạt cho nghệ sĩ, bởi vì ông Hương Cả là bậc thâm nho lại rất rành tuồng tích, kể cả cách dậm mặt và các câu hát tuồng tích của các nghệ sĩ, cho nên ông Hương Cả cầm chầu để khen thưởng hoặc bắt lỗi các đào kép trong lúc trình diễn, vì các nghệ sĩ không thuộc tuồng hát cương, cho nên không thể bắt một người nào đó đến cầm chầu mà không rành tuồng tích. Thời xưa, các nghệ sĩ nào được ông Hương Cả đánh nhiều hồi trống chầu, thì sau khi hát xong, sẽ được Ban Hội Tế thưởng phẩm vật tặng riêng cho cá nhân nghệ sĩ đó. Còn trái lại, các nghệ sĩ nào bị ông Hương Cả đánh Khắc là gõ bên vành trống kêu các các thì các nghệ sĩ đó bị ông Hương Cả phạt vì hát sai, hát cương, để nghệ sĩ đó biết thân mà hát lại cho đúng và nghệ sĩ đó sau khi hát xong sẽ bị Ban Hội Tế cũng như Ông Bầu đoàn hát quở phạt. Đó là, luật lệ thưởng phạt công minh của người Cầm Chầu đối với nghệ sĩ.

Mặc dù, ông Hương Cả là người có thực quyền ở trong làng, nhưng những hồi trống chầu đôi khi cũng không hài lòng hết mọi người, cho nên cũng bị chê trách như thường.

Vì thế, trong dân gian mới có câu : Ở đời có 4 cái ngu : Làm Mai, Lành Nợ, Gác Cu, Cầm Chầu là thế đó !).

Hơn nữa, chữ Chạp là lễ cúng. Vì thế, nó còn có các tên lễ cúng khác như sau : Giỗ Chạp, Chạp Miếu, Chạp Mả...

Do vậy, thay vì gọi tháng Mười Hai là tháng Chạp là thế đó !.

Được biết, niên lịch cổ truyền Á Đông này đã xuất hiện từ đời Hoàng Đế bên Tàu (2637 trước Thiên Chúa) năm 61.

Còn đối với : Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc như thế nào ?.

Chúng ta để ý sẽ thấy : Ngày tính Khắc, Đêm tính Canh, cho nên chúng ta đã từng nghe thấy như sau : Canh Một dọn cửa, dọn nhà
Canh Hai dẹt cửi, canh Ba đi nằm...

Hoặc là :

Nửa đêm giờ Tý canh Ba...

Theo thiển nghĩ, chúng ta câu : Nửa đêm giờ Tý canh Ba, thì chúng ta có thể đoán được chữ nửa đêm (tức khoảng 12 giờ đêm hoặc 0 giờ), còn giờ Tý canh Ba (tức khoảng 23 giờ đêm đến 1 giờ sáng). Bởi vì, các bậc tiền nhân dùng 12 con vật tương trưng, để phân chia trong một ngày là 24 giờ như sau :

Căn cứ sự phân chia giờ ở trên, chúng ta thấy :

a)- Mỗi đêm dài 10 giờ, được chia làm 5 Canh ra sao ?

Chúng ta thấy giờ Tý canh Ba, từ đó tính được 5 canh như sau :

Tên Canh	Thời Giờ
Canh 1	Từ 19 giờ đến 21 giờ tối tức giờ Tuất
Canh 2	Từ 21 giờ đến 23 giờ khuya tức giờ Hợi
Canh 3	Từ 23 giờ đến 1 giờ sáng tức giờ Tý
Canh 4	Từ 1 giờ sáng đến 3 giờ sáng tức giờ Sửu
Canh 5	Từ 3 giờ đến 5 giờ sáng tức giờ Dần

Do vậy, nếu chúng ta đem so sánh với giờ, thì cứ hai giờ bằng một Canh .

b)- Mỗi ngày dài 14 giờ, được chia cho 6 khắc như sau :

Như vậy, nếu chúng ta đem so sánh Khắc với Giờ, thì cứ 2 giờ 20 phút bằng một Khắc. Bởi vì, ngày dài 14 giờ, đem chia đều cho 6 Khắc, thì được 140 phút, tức

Tên Con Vật	Thời Giờ	Tên Con Vật	Thời Giờ
TỶ	Từ 23 giờ đến 1 giờ sáng	NGỌ	Từ 11 giờ đến 13 giờ trưa
SỬU	Từ 1 giờ sáng đến 3 giờ sáng	MÙI	Từ 13 giờ đến 15 giờ xế trưa
DẦN	Từ 3 giờ đến 5 giờ sáng	THÂN	Từ 15 giờ đến 17 giờ chiều
MỆO	Từ 5 giờ đến 7 giờ sáng	DẬU	Từ 17 giờ đến 19 giờ tối
THÌN	Từ 7 giờ đến 9 giờ sáng	TUẤT	Từ 19 giờ đến 21 giờ tối
TỶ	Từ 9 giờ đến 11 giờ trưa	HỢI	Từ 21 giờ đến 23 giờ khuya

Tên Khác	Thời Giờ	Tên Khác	Thời Giờ
Khác 1	Từ 5 giờ đến 7 giờ 20 sáng	Khác 4	Từ 12 giờ đến 14 giờ 20 xế trưa
Khác 2	Từ 7 giờ 20 đến 9 giờ 40 sáng	Khác 5	Từ 14 giờ 20 đến 16 giờ 40 chiều
Khác 3	Từ 9 giờ 40 đến 12 giờ trưa	Khác 6	Từ 16 giờ 40 đến 19 giờ tối

là 2 giờ 20 phút.

Thế nên, chúng ta thường thấy câu : Đêm Năm Canh, Ngày Sáu Khắc là đúng vậy.

2)- Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi để tính năm như thế nào ?

Trong chúng ta cũng có nhiều người thắc mắc, không biết vì sao năm 2005 là năm Ất Dậu, thay vì Đinh Dậu, Kỷ Dậu, Tân Dậu, Quý Dậu chẳng hạn? Bởi vì, những bậc tiền nhân của chúng ta thường căn cứ trong Thiên Can và Địa Chi kết thành mà gọi Năm Tháng... Ngày Giờ. Ví như năm 2005 là Ất Dậu, thì năm kế tiếp 2006 sẽ là năm Bính Tuất ...

Nếu chúng ta ghép Thiên Can và Địa Chi từng cặp có cùng Dương, cùng Âm giống nhau, thì chúng ta sẽ thấy kết quả chắc chắn một chu kỳ 60 năm. Vì mỗi Thiên Can đi với 6 Địa Chi khác nhau, ví như : Ất Dậu, Ất Mùi, Ất Tỵ, Ất Mão, Ất Sửu và Ất Hợi là hết chu kỳ 60 năm của ê Vận Niên Lục Giáp Ủ hay ê Lục

Thập Hoa Giáp Ủ, xin trích dẫn Bảng Vận Niên Lục Giáp như sau :

Bảng Vận Niên Lục Giáp

01 Giáp Tỵ02 Ất Sửu03 Bính Dần04 Đinh Mão (Mẹo)05 Mậu Thìn06 Kỷ Tỵ 07 Canh Ngọ08 Tân Mùi 09 Nhâm Thân 10 Quý Dậu 21 Giáp Thân22 Ất Dậu23 Bính Tuất 24 Đinh Hợi25 Mậu Tý26 Kỷ Sửu 27 Canh Dần28 Tân Mão (Mẹo)29 Nhâm Thìn 30 Quý Tỵ 41 Giáp Thìn42 Ất Tỵ43 Bính Ngọ44 Đinh Mùi45 Mậu Thân46 Kỷ Dậu47 Canh Tuất48 Tân Hợi49 Nhâm Tý50 Quý Sửu 11 Giáp Tuất 12 Ất Hợi13 Bính Tý14 Đinh Sửu 15 Mậu Dần16 Kỷ Mão (Mẹo)17 Canh Thìn18 Tân Tỵ 19 Nhâm Ngọ20 Quý Mùi 31 Giáp Ngọ32 Ất Mùi33 Bính Thân34 Đinh Dậu35 Mậu Tuất 36 Kỷ Hợi37 Canh Tý 38 Tân Sửu39 Nhâm Dần40 Quý Mão (Mẹo) 51 Giáp Dần52 Ất Mão (Mẹo)53 Bính Thìn 54 Đinh Tỵ55 Mậu Ngọ56 Kỷ Mùi57 Canh Thân58 Tân Dậu59

Nhâm Tuất 60 Quý Hợi

Muốn Tính Thiên Can thuộc năm nào ?

Chúng ta để ý tới số chót (tận cùng) của năm đó, để dễ nhớ và tính Thiên Can, xin trích dẫn như sau :

Thiên Can Số tận cùng của năm

Thiên Can là Canh (Dương), mạng Kim	Số	tận
cùng của năm là 0		
Thiên Can là Tân (Âm), mạng Kim	Số	tận
cùng của năm là 1		
Thiên Can là Nhâm (Dương), mạng Thủy	Số	tận
cùng của năm là 2		
Thiên Can là Quý (Âm), mạng Thủy	Số	tận
cùng của năm là 3		
Thiên Can là Giáp (Dương), mạng Mộc	Số	tận
cùng của năm là 4		
Thiên Can là Ất (Âm), mạng Mộc	Số	tận
cùng của năm là 5		
Thiên Can là Bính (Dương), mạng Hỏa	Số	tận
cùng của năm là 6		
Thiên Can là Đinh (Âm), mạng Hỏa	Số	tận
cùng của năm là 7		
Thiên Can là Mậu (Dương), mạng Thổ	Số	tận
cùng của năm là 8		
Thiên Can là Kỷ (Âm), mạng Thổ	Số	tận
cùng của năm là 9		

Đó là Thập Thiên Can : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm và Quý, chúng ta thấy Can nào Dương, Can nào Âm.

Còn Thập Nhị Địa Chi, xin trích dẫn Bảng phân chia Dương và Âm như sau :

1.- Tý (Dương), mạng Thủy	7.- Ngọ (Dương), mạng Hỏa
2.- Sửu (Âm), mạng Thổ	8.- Mùi (Âm), mạng Thổ
3.- Dần (Dương), mạng Mộc	9.- Thân (Dương), mạng Kim
4.- Mão hay Mẹo (Âm), mạng Mộc	10.- Dậu (Âm), mạng Kim
5.- Thìn (Dương), mạng Thổ	11.- Tuất (Dương), mạng Thổ
6.- Tỵ (Âm), mạng Hỏa	12.- Hợi (Âm), mạng Thủy

Xin Chú Ý : Các Địa Chi có mạng Thổ, thuộc nhóm Tứ Mộ là : Thìn, Tuất, Sửu và Mùi.

Thật sự mà nói, trong Thập Thiên Can tức Trời và trong Thập Nhị Địa Chi tức Đất (vì, trong Thập Thiên Can có chữ Thiên tức Trời và trong Thập Nhị Địa Chi có chữ Địa tức Đất), cho nên mỗi năm, chúng ta thấy Can Dương luôn luôn kết hợp với Chi Dương, hoặc trái lại, Can Âm luôn luôn kết hợp với Chi Âm. Chớ không bao giờ Can Dương kết hợp với Chi Âm, hoặc trái lại, Can Âm kết hợp với Chi Dương, từ đó chúng không thấy năm có tên : Giáp Dậu, Bính Mão, Mậu Mùi... Hoặc là Đinh Ngọ, Quý Tuất, Ất Thân... là thế đó.

Bởi vì, trong Trời Đất tức Dương Âm kết hợp mới sanh ra con người. Ngoài ra theo Lão Tử đã viết : “Nhứt sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh Vạn Vật”.

Do vậy, chúng ta phải có Trời và Đất kết hợp tạo thành, nếu có Trời mà không có Đất hoặc trái lại, thì không thể tạo thành con người trong đó có chúng ta được.

Về Năm, Tháng, Ngày, Giờ chúng ta thấy được ngày hôm nay cũng nằm trong qui luật Dương Âm tăng trưởng kết thành mà có.

Nếu chúng ta biết cách tính năm rồi, thì chúng ta cũng có thể tính Tháng, Ngày, Giờ do Thiên Can và Địa Chi ghép lại kết thành.

Ví như bài thơ trong Tham Khảo Tử Vi của Cụ Hi Di Trần Đoàn, xin trích dẫn dưới đây, để chúng ta thử tính tháng như sau :

Giáp, Kỷ chi niên Bính tác thù
Ất, Canh chi tuế Mậu đi đầu
Bính, Tân tiên khởi Canh Dần thủ
Đinh, Nhâm đích thị Nhâm Dần lưu
Mậu, Quý tuế quán Giáp Dần cầu.

Xin để ý, năm nào có chữ đầu là :

Giáp, Kỷ thì tháng Giêng là tháng Bính Dần
Ất, Canh thì tháng Giêng là tháng Mậu Dần
Bính, Tân thì tháng Giêng là tháng Canh Dần
Đinh, Nhâm thì tháng Giêng là tháng Nhâm Dần
Mậu, Quý thì tháng Giêng là tháng Giáp Dần

3.- Cách biến đổi Năm Dương Lịch sang Năm Âm Lịch như thế nào?

Căn cứ theo nhiều sách báo, xin trích dẫn một số cách biến đổi như sau :

a)- Cách thứ nhất :

Chúng ta lấy năm Dương Lịch rồi trừ cho 3. Sau đó lấy số năm còn lại đem chia cho 60 (bởi vì, theo bảng Vận Niên Lục Giáp có 60 năm). Khi đó, chúng ta có số dư thừa. Số dư thừa này, nếu chúng ta so lại số thứ tự trong Bảng Vận Niên Lục Giáp thì chúng ta sẽ biết được năm Âm Lịch đã được biến đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch.

Thí dụ : năm 1975 là năm Âm Lịch gì?

Chúng ta lần lượt áp dụng như trên sẽ thấy :

$$1975 - 3 = 1972$$

$$1972 : 60 = \text{Số dư thừa là } 52$$

Số dư thừa này, nếu đem so số thứ tự trong Bản Vận Niên Lục Giáp, thì sẽ thấy năm Âm Lịch là năm Ất Mão.

Hoặc là năm 1945 là năm Âm Lịch gì?

Chúng ta cũng lần lượt áp dụng như trên sẽ thấy :

$$1945 - 3 = 1942$$

$$1942 : 60 = \text{Số dư thừa là } 22, \text{ tức là năm Âm Lịch Ất}$$

Dậu

Căn cứ theo phương pháp cách biến đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch ở hai thí dụ trên, chúng ta có thể áp dụng cho tất cả năm Dương Lịch và còn có phương cách biến đổi thứ hai và thứ ba nữa, xin trích dẫn như sau :

b)- Cách thứ hai :

Chúng ta lấy năm Dương Lịch, rồi chia cho 60 (khỏi trừ 3 như cách thứ nhất), rồi lấy số dư thừa, chia cho 12 (số 12 này tức 12 con Giáp, tức Thập Nhị Địa Chi), thì chúng ta có kết quả được số từ 0, 1, 2, 3, 4, 5 ... đến 11.

Ví như muốn tìm năm 1975 Dương Lịch là năm Âm Lịch gì?

Chúng ta áp dụng phương pháp trên :

$$1975 : 60 = 32 \text{ và số dư thừa } 55$$

$$55 : 12 = 4 \text{ và số dư thừa là } 7$$

Hoặc là muốn tìm năm 1945 Dương Lịch là năm Âm Lịch gì?

$$1945 : 60 = 32 \text{ và số dư thừa } 25$$

$$25 : 12 = 2 \text{ số dư thừa là } 1$$

Sau đó, chúng ta dùng Bảng Tính Số Dư Thừa để xem năm Dương Lịch năm 1975 và 1945 là năm Âm Lịch gì? Có đúng các năm Âm Lịch như cách thứ nhất hay không?

Năm 1975, chúng ta được số 4 và có số dư thừa 7, cho nên chúng ta chỉ nhìn cột 4 và hàng số dư thừa 7, thì thấy năm Dương Lịch 1975 là năm Âm Lịch Ất Mão. Và năm 1945, chúng ta được số 2 và có số dư thừa 1, cho nên chúng ta chỉ nhìn cột 2 và hàng số dư thừa 1, thì thấy năm Dương Lịch 1945 là năm Âm Lịch Ất Dậu.

Quả là, phương cách thứ nhất và thứ hai này đều có kết quả giống nhau.

Khi chúng ta nhìn qua Bảng Tính Số Dư Thừa, có người thắc mắc, tại sao để Thiên Can Canh ở cột 0, mà không để Thiên Can khác trong Thập Thiên Can? Ví như Giáp hay Quý hoặc là Nhâm... để rồi, từ đó đếm tới và tiếp nối để tính cho những năm Âm Lịch?

Như chúng ta đã thấy ở trước, trong Bảng Thập Thiên Can, Thiên Can Canh có số tận cùng của năm là 0, cho nên phải lấy Thiên Can Canh để vào cột số 0 là hợp lý nhất, bởi vì, Thiên Can là Canh chỉ số tận cùng của năm là số 0, có nghĩa là khi chúng ta chia, có kết quả thành là số 0 chẵn của năm, thì ở cột số dư thừa sẽ mang số 0, từ đó, chúng ta tiếp tục ghi những số dư thừa từ 1 đến 11, cho nên chúng ta mới thấy cột 1 là Nhâm Thân, cột 2 là Giáp Thân, cột 3 là Bính Thân và cột 4 là Mậu Thân, là thế đó.

c)- Cách thứ ba :

Cách này, chúng ta lấy năm Dương Lịch rồi trừ cho số 3, số còn lại, đem chia cho 10 (số 10 này tức Thập Thiên Can), cho nên số dư thừa sẽ là số Can. Nếu số năm Dương Lịch, sau khi trừ 3, số còn lại, đem chia cho 12 (số 12 này tức Thập Nhị Địa Chi), cho nên số dư thừa sẽ là Chi (Số thứ tự trong Thập Nhị Địa Chi (số thứ tự trong Thập Nhị Địa Chi, chính là số Chi của năm Âm Lịch chúng ta muốn đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch). Nên nhớ : Bảng Thập Thiên Can và Thập Nhị Địa Chi dưới đây :

Thập Thiên Can	Thập Nhị Địa Chi
1.- Giáp	1.- Tý
2.- Ất	2.- Sửu
3.- Bính	3.- Dần
4.- Đinh	4.- Mão (Mẹo)
5.- Mậu	5.- Thìn
6.- Kỷ	6.- Tỵ
7.- Canh	7.- Ngọ

BẢNG TÍNH SỐ DƯ THỪA

Số thứ tự	0	1	2	3	4
0	Canh Thân	Nhâm Thân	Giáp Thân	Bính Thân	Mậu Thân
1	Tân Dậu	Quý Dậu	Ất Dậu	Đinh Dậu	Kỷ Dậu
2	Nhâm Tuất	Giáp Tuất	Bính Tuất	Mậu Tuất	Canh Tuất
3	Quý Hợi	Ất Hợi	Đinh Hợi	Kỷ Hợi	Tân Hợi
4	Giáp Tý	Bính Tý	Mậu Tý	Canh Tý	Nhâm Tý
5	Ất Sửu	Đinh Sửu	Kỷ Sửu	Tân Sửu	Quý Sửu
6	Bính Dần	Mậu Dần	Canh Dần	Nhâm Dần	Giáp Dần
7	Đinh Mão (Mẹo)	Kỷ Mão (Mẹo)	Tân Mão (Mẹo)	Quý Mão (Mẹo)	Ất Mão (Mẹo)
8	Mậu Thìn	Canh Thìn	Nhâm Thìn	Giáp Thìn	Bính Thìn
9	Kỷ Tỵ	Tân Tỵ	Quý Tỵ	Ất Tỵ	Đinh Tỵ
10	Canh Ngọ	Nhâm Ngọ	Giáp Ngọ	Bính Ngọ	Mậu Ngọ
11	Tân Mùi	Quý Mùi	Ất Mùi	Đinh Mùi	Kỷ Mùi

- | | |
|----------|-----------|
| 8.- Tân | 8.- Mùi |
| 9.- Nhâm | 9.- Thân |
| 10.- Quý | 10.- Dậu |
| | 11.- Tuất |
| | 12.- Hợi |

Hy vọng bài này góp phần mọn cho quý bà con đồng hương khi cần, có thể áp dụng phương pháp này thích nhưt.

Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ
Vào Hạ năm Ất Dậu 2005

Cho nên, nếu có số dư thừa ở Can là 00 tức là Quý (bởi vì, Can Quý đứng hàng thứ 10 của Thập Thiên Can).

Và số dư thừa ở Chi là 00 tức là Hợi (bởi vì, Chi Hợi đứng hàng thứ 12 của Thập Nhị Địa Chi).

Vì thế, nếu chúng ta muốn biến đổi :

Năm 1975 sang năm Âm Lịch là năm gì?

Chúng ta áp dụng cách đã dẫn như sau :

a)- Tính về Thiên Can :

$$1975 - 3 = 1972$$

$$1972 : 10 = 197 \text{ và số dư thừa là } 2$$

Nếu, chúng ta đối chiếu số thứ tự trong Bảng Thập Thiên Can ở trên, thì thấy số dư thừa 2, tức là Ất.

b- Tính về Địa Chi :

$$1975 - 3 = 1972$$

$$1972 : 12 = 164 \text{ và số dư thừa là } 4$$

Nếu, chúng ta đối chiếu số thứ tự trong Bảng Thập Nhị Địa Chi ở trên, thì thấy số dư thừa 4, tức là Mão (Mèo).

Do vậy, năm Dương Lịch 1975 là năm Âm Lịch Ất Mão.

Còn năm 1975 sang năm Âm Lịch là năm gì?

Chúng ta áp dụng cách trên, sẽ có kết quả như sau :

a)- Tính về Thiên Can :

$$1945 - 3 = 1942$$

$$1942 : 10 = 194 \text{ và số dư thừa là } 2$$

Nếu, chúng ta đối chiếu số thứ tự trong Bảng Thập Thiên Can ở trên, thì thấy số dư thừa 2, tức là Ất.

b- Tính về Địa Chi :

$$1945 - 3 = 1942$$

$$1942 : 12 = 161 \text{ và số dư thừa là } 10$$

Nếu, chúng ta đối chiếu số thứ tự trong Bảng Thập Nhị Địa Chi ở trên, thì thấy số dư thừa 10, tức là Dậu. Do vậy, năm Dương Lịch 1945 là năm Âm Lịch Ất Dậu.

Sau khi chúng ta thử tìm 3 phương cách biến đổi từ năm Dương Lịch sang năm Âm Lịch khác nhau, nhưng đem lại kết quả giống nhau.

Buồn như

*Buồn như ly rượu cạn
Không còn rượu cho say
Buồn như ly rượu đầy
Không còn một người bạn.*

*Buồn như đêm khuya vắng
Qua cửa sổ trông trăng
Buồn như em nói rằng:
Nhớ anh từng đêm trăng*

*Buồn như yêu không được
Dù người yêu có thừa
Buồn như mối tình xưa
Chỉ còn dòng lưu bút.*

*Buồn như buồn như thế,
Buồn như một kiếp người.
Đây cõi lòng quạnh quẽ
Buồn như đóa hoa rơi.*

Tạ Ký